

Ngành : Vật liệu xây dựng (Báo cáo gần nhất: [Link](#))

Khuyến nghị	MUA	CTCP THÉP NAM KIM (HSX: NKG) TRỞ LẠI THỜI HOÀNG KIM			
Giá hiện tại:	20,250	Ngày viết báo cáo:	08/03/2021	Cơ cấu cổ đông	
Giá mục tiêu trước đây	N/A	Cổ phiếu lưu hành (CP)	171,999,900	Hồ Minh Quang	13.64%
Giá mục tiêu mới (1 năm):	27,200	Vốn hóa (tỷ đồng)	3,285	Võ Hoàng Vũ	11.05%
Tỷ suất cổ tức	0%	KLGDĐQ 30 phiên (nghìn CP)	5,033	CTCP ĐTTM SMC	5.29%
Tiềm năng tăng giá	34.3%	Sở hữu nước ngoài	12.3%	KIMC	4.68%

Chuyên viên phân tích ngành:

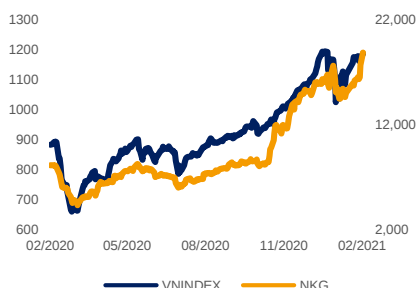
Nguyễn Thị Kiều Hạnh
(Vật liệu xây dựng, Bất động sản)
hanhntk@bsc.com.vn

Chuyên viên phân tích kỹ thuật:

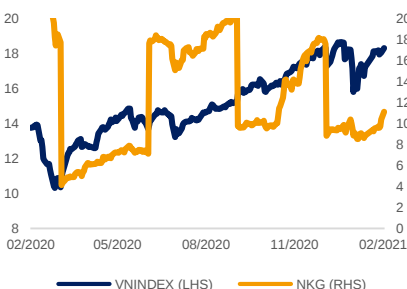
Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Giá mục tiêu 20,000
Giá cắt lỗ 14,080

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



Bảng so sánh P/E và VN index



ĐỊNH GIÁ

BSC khuyến nghị **MUA** cổ phiếu NKG với **giá mục tiêu 1 năm là 27,200 đồng/CP** dựa vào phương pháp so sánh P/E với P/E mục tiêu là 8 lần, được cân nhắc dựa trên hiệu quả sinh lời, triển vọng kinh doanh và mức chiết khấu thị trường dành cho cổ phiếu.

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (Chi tiết tham khảo trang 5)

BSC dự báo tăng trưởng doanh thu năm 2021 của NKG đạt 27.7% YoY với doanh thu ghi nhận 14,762 tỷ với động lực đến từ tăng trưởng 15% về sản lượng (810 nghìn tấn) và tăng giá bán theo giá HRC (+12% YoY). LNST dự báo đạt 600.5 tỷ đồng (+103% YoY), EPS = 3,397 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 3%).

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

- (1) Ngành thép bước vào chu kỳ tăng trưởng mới, tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp trong ngành
- (2) NKG đầu tư mới kho hàng nhằm tối đa công suất các nhà máy tôn mạ, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng trong thời gian tới

CATALYST

NKG hưởng lợi từ xu hướng giá HRC tăng. Tuy nhiên cũng tiềm ẩn những rủi ro khi giá HRC điều chỉnh.

RỦI RO

- (1) Biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, đặc biệt là giá HRC
- (2) Rủi ro gia tăng các biện pháp phòng vệ thương mại của các nước

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP (Chi tiết tham khảo trang 3)

- (1) **Kết quả kinh doanh 2020 chứng kiến lợi nhuận tăng gấp 6 lần lên 295 tỷ, mặc dù doanh thu giảm 5.1% YoY về 11,560 tỷ.** Kết quả khả quan có được nhờ hoạt động tái cấu trúc sản xuất, giảm nợ vay trong năm 2019 và đà tăng giá HRC tăng trong 2H2020.
- (2) **Công ty đặt kế hoạch kinh doanh 2021 tăng mạnh với các chỉ tiêu cụ thể như sau:** Doanh thu: 16,000 tỷ (+38% YoY); Lợi nhuận sau thuế 600 tỷ, gấp đôi cùng kỳ. BSC đánh giá kế hoạch của NKG là khả thi nếu nhìn vào tình hình đơn hàng xuất khẩu khả quan đến giữa Q2/2021 của công ty và diễn biến giá HRC trên thị trường. Niên độ 2019/2020, HSG sẽ trả cổ tức cổ phiếu với tỷ lệ 10%.

	2020	2021F	Peer	VN-Index		2018	2019	2020	2021F
PE (x)	11.2	5.6	12.8	18.3	Doanh thu	14,812	12,177	11,560	14,762
PB (x)	1.0	0.9	1.1	2.5	Lợi nhuận gộp	793	342	869	1,295
PS (x)	0.3	0.2	0.4	2.0	LN sau thuế	57	47	295	601
ROE (%)	9.5%	17.4%	5.8%	13.7%	Tăng trưởng LNST	-91.9%	-17.4%	524.1%	103.3%
ROA (%)	3.8%	7.0%	2.4%	2.2%	EPS	363	260	1,690	3,397
EV/ EBITDA (x)	6.4	5.7	8.8	17.3	Nợ vay/ VCSH	1.5	1.0	0.9	1.1

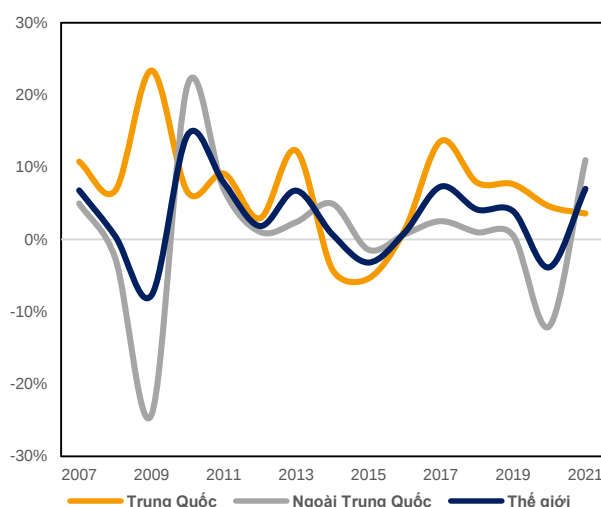
LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

(1) Ngành thép bước vào chu kỳ tăng trưởng mới, tạo điều kiện kinh doanh tốt cho các doanh nghiệp trong ngành (Chi tiết tham khảo [Báo cáo Triển vọng ngành 2021](#))

Nhu cầu thép thế giới dự báo tăng trưởng 5% trong năm 2021 (theo Bloomberg Intelligence) nhờ sự hồi phục của hầu hết các khu vực trên thế giới (Trung Quốc +3% YoY, ngoài Trung Quốc +11% YoY). Nhu cầu tăng lên tại các thị trường sẽ hỗ trợ giá thép toàn cầu cũng như nhu cầu nhập khẩu sản phẩm thép tại một số thị trường như Trung Quốc ghi nhận tình trạng thiếu hụt nguồn cung do sản xuất chưa bắt kịp đà hồi phục nhanh của nhu cầu.

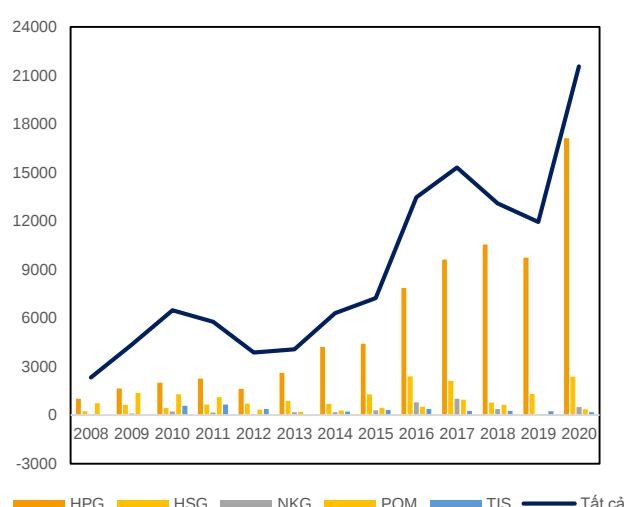
Ngành thép Việt Nam bước vào chu kỳ tăng trưởng mới từ năm 2021 sau gần 3 năm khó khăn với động lực đến từ (1) Đầu tư, xây dựng và (2) Công nghiệp hỗ trợ, chế biến chế tạo. Theo dự báo của VSA, sản xuất thép năm 2021 sẽ tăng thêm khoảng 1 triệu tấn, đáp ứng một phần nhu cầu thép hiện đang phải nhập khẩu hàng năm. Sản lượng tiêu thụ toàn ngành dự báo đạt 23.8 triệu tấn (+2% YoY) sau khi tăng 1.4% trong năm 2020.

Nhu cầu thép ngoài Trung Quốc (Mỹ, EU, Ấn Độ...) tăng mạnh nhờ đầu tư xây dựng và SXKD hồi phục



Nguồn: WorldSteel, Bloomberg Intelligence

Ngành thép VN bước vào chu kỳ tăng lợi nhuận mới từ cuối 2020 với sự hỗ trợ của giá bán cao

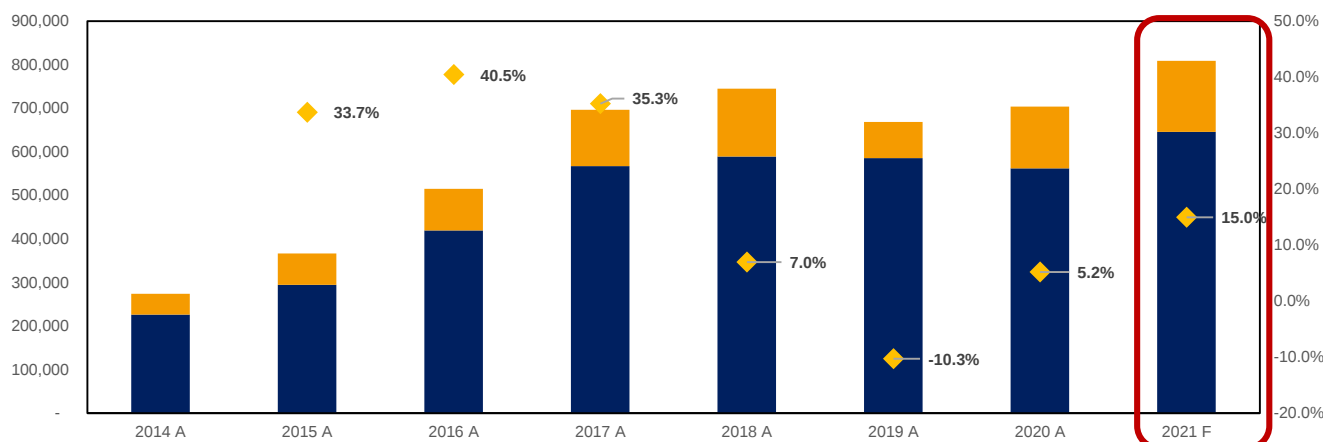


Nguồn: FiinPro, BSC Research

(2) NKG đầu tư mới kho hàng tập trung và di dời phân xưởng ống thép với quy mô 4 ha nhằm khai thác tối đa công suất các nhà máy, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng trong thời gian tới. Việc xây dựng kho hàng tập trung sẽ giúp NKG gỡ được giới hạn tăng trưởng về sản lượng, đa dạng hóa sản xuất, tối ưu hoạt động các nhà máy hiện tại. Đây là việc làm cần thiết để Nam Kim trở lại thời tăng trưởng sau khi tái cấu trúc sản xuất, chuyển nhượng NM Nam Kim 1 (công suất 500,000 tấn/năm) và vốn góp tại Nam Kim Core để giảm nợ vay trong năm 2019. Đối với dự án mở rộng kho hàng, tổng mức đầu tư ước khoảng 250 tỷ đồng, trong năng lực của NKG nếu so sánh với khoảng 300 tỷ LNST năm 2020 và 576 tỷ LNST chưa phân phối đến 31/12/2020.

Dựa trên tình hình đơn hàng xuất khẩu khả quan của NKG đến giữa Q2/2021 và kỳ vọng nhu cầu xây dựng nội địa tăng trưởng mạnh trong năm 2021, BSC giả định sản lượng tiêu thụ của NKG năm 2021 tăng 15% lên 810 nghìn tấn.

Sản lượng năm 2021 dự báo tăng mạnh 15% khi ngành vào chu kỳ mới và giới hạn tăng trưởng do kho bãi được giải quyết sau khi đầu tư mở rộng

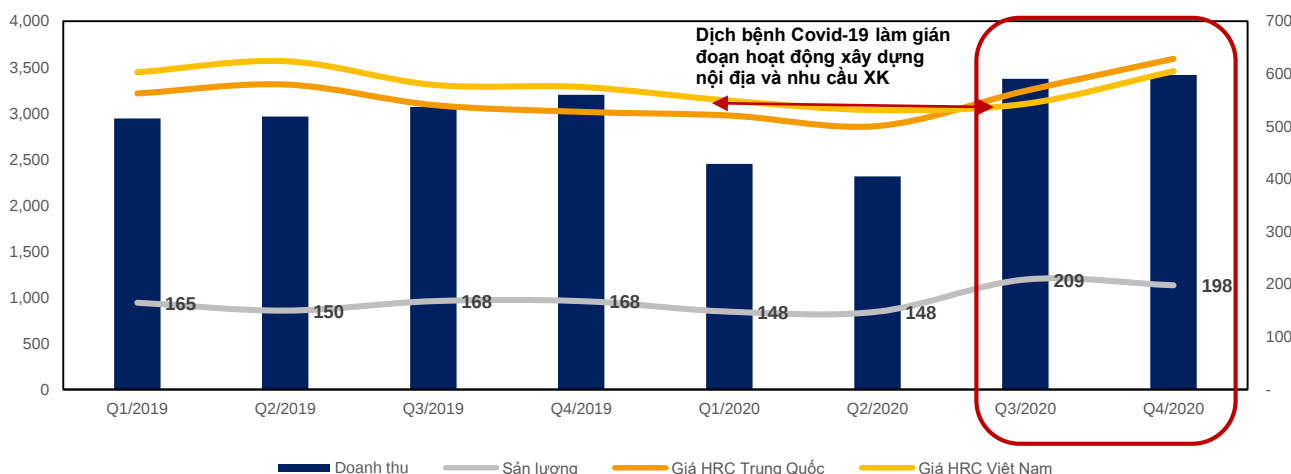


Nguồn: WorldSteel, Bloomberg Intelligence

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

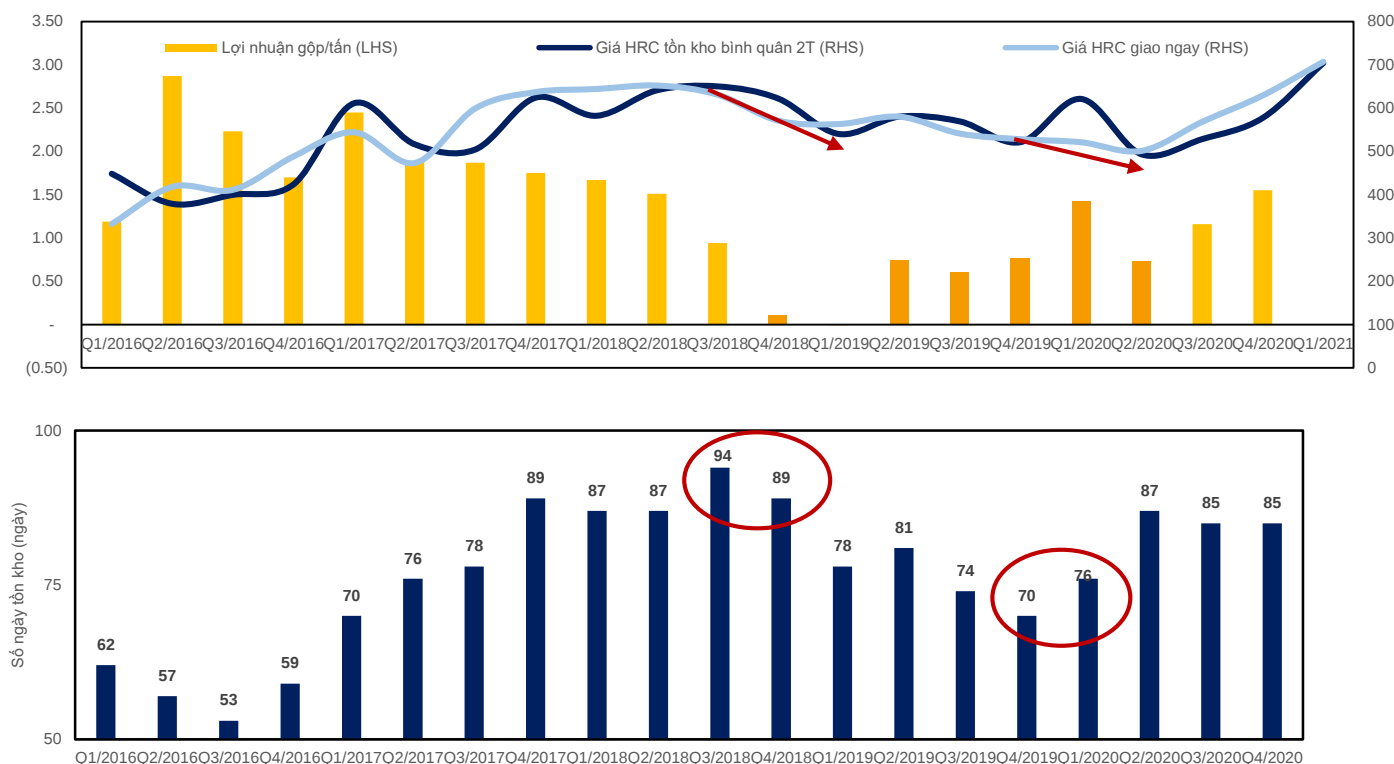
Kết quả kinh doanh 2020 chứng kiến lợi nhuận tăng gấp 6 lần

Doanh thu sau khi giảm về dưới 2,500 tỷ/ quý trong 2 quý đầu năm đã tăng lại trên 40% trong nửa cuối năm nhờ (1) sản lượng tiêu thụ hồi phục khoảng 40% so với sản lượng bình quân quý trong nửa đầu năm và (2) giá HRC liên tục tăng (Q3 tăng 15-60 USD/tấn QoQ; Q4 tăng 60 USD/tấn QoQ, mặt bằng giá HRC trong 2H2020 tăng 80-90 USD/tấn so với 1H2020 và tăng khoảng 60 USD so với cùng kỳ 2019).



Nguồn: FiinPro, BSC Research

Lợi nhuận đơn vị của NKG biến động cùng chiều với giá HRC. BSC nhận thấy NKG đang quản lý HTK ở mức thận trọng hơn, qua đó giúp giảm mức độ ảnh hưởng tiêu cực của xu hướng giảm giá HRC lên lợi nhuận đơn vị như đã xảy ra trong Q4/2018-Q1/2019. Trong giai đoạn HRC tăng mạnh kể từ Q4/2020, NKG vẫn duy trì tỷ lệ tồn kho tương đương 2 quý trước, thay vì vội vàng tăng mạnh để đầu cơ. Do đó, lợi nhuận của công ty có thể tránh khỏi sụt giảm mạnh khi giá HRC bất ngờ điều chỉnh.



Nguồn: Bloomberg, FiinPro, BSC Research

	2019A	2020	% YoY	
Doanh thu thuần	12,177	11,560	-5.1%	Doanh thu -5.1% mặc dù tổng sản lượng tiêu thụ +5.2% do giá bán bình quân điều chỉnh giảm theo giá HRC (-3-6% YoY).
Sản lượng	668,863	703,733	+5.2%	
Ống thép	82,876	141,744	+71%	
Tôn mạ	585,987	561,989	-4.1%	
Lợi nhuận gộp	342	869	+154%	Biên LNG cải thiện mạnh lên 7.5% nhờ diễn biến thuận lợi của giá HRC, đặc biệt trong 2H2020.
Biên LNG	2.8%	7.5%		
CP bán hàng	210	268	+27.4%	
CP QLDN	69	92	+33.8%	
EBIT	63	509	+711%	Nhờ lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cải thiện mạnh, LNST tăng gấp 6.2 lần mặc dù năm 2019 công ty ghi nhận 195 tỷ LN khác từ chuyển nhượng nhà máy Nam Kim 1 và phần vốn góp tại Nam Kim Corea
DT tài chính	107	89	-16.7%	
CP tài chính	275	281	+2.3%	
LNTT	90	321	+256%	
LNST	47	295	+524%	Tỷ lệ Nợ vay/Vốn CSH giảm từ đỉnh 1.02 về 0.94 lần nhờ kết quả cơ cấu lại tình hình tài chính, trả bớt nợ vay dài hạn và giảm nợ vay ngắn hạn từ năm 2019.
EPS	260	1,690		
Nợ vay/ Tổng TS	56.3%	46.1%		
ROA	1.9%	6.6%		
ROE	6.8%	19.1%		

Nguồn: FiinPro, BSC Research

NKG tự tin đặt kế hoạch lợi nhuận 2021 gấp đôi

Hội đồng quản trị Công ty vừa thông qua kế hoạch kinh doanh 2021 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Doanh thu: 16,000 tỷ (+38% YoY)
- Lợi nhuận sau thuế: 600 tỷ (gấp đôi cùng kỳ, về gần mức đỉnh lợi nhuận 700 tỷ năm 2017)

BSC đánh giá kế hoạch của NKG là khả thi nếu nhìn vào tình hình đơn hàng xuất khẩu khả quan đến giữa Q2/2021 của công ty và diễn biến giá HRC trên thị trường.

Hiện tại, HRC vẫn đang trong xu hướng tăng giá do (1) nhu cầu hồi phục tại nhiều khu vực và (2) giá nguyên vật liệu đầu vào (quặng, than, thép phế) tăng cao.

Tuy nhiên, BSC cho rằng giá thép sẽ giảm dần kể từ Q2/2021 khi nguồn cung tại một số khu vực như Trung Quốc, Ấn Độ... sẽ sớm tăng lại sau khi đứt gãy, gián đoạn vì dịch bệnh.

Chúng tôi thiên về khả năng giá sẽ điều chỉnh từ từ theo sự hồi phục của sản xuất hơn là giảm đột ngột, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của các doanh nghiệp tôn mạ. BSC đánh giá các yếu tố đang hỗ trợ giá HRC duy trì ở mức cao sẽ khó đảo chiều nhanh chóng và khiến xu hướng tăng giá HRC gây đột ngột bởi hai nguyên nhân chính. Thứ nhất, nhu cầu thép (đặc biệt là thép dẹt) dự báo sẽ hồi phục mạnh hơn trong năm 2021 khi các hoạt động sản xuất công nghiệp tại nhiều khu vực trên thế giới gia tăng nhằm bù đắp những thiếu hụt và gián đoạn trong năm 2020 vì dịch bệnh. Thứ hai, giá quặng sẽ khó giảm sâu trong ngắn hạn do tình trạng thiếu cung trên thế giới sẽ tiếp diễn bởi sản lượng khai thác tại Brazil phục hồi chậm sau sự cố vỡ đập của Vale (2019) và dịch Covid-19, cùng với căng thẳng chính trị giữa Úc và Trung Quốc (Theo Severtal, một trong những hãng sản xuất thép lớn của Nga). Ngoài ra, giá than đứng trước áp lực tăng mạnh hơn sau khi giảm về mức rất thấp quanh 100 USD/tấn trong năm 2020.

⇒ Tựu chung lại, chúng tôi cho rằng giá HRC sẽ giảm từ nền giá cao hiện tại, nhưng không đột ngột. Do đó, sức ép lên giá vốn tồn kho và lợi nhuận của NKG sẽ không cao như giai đoạn cuối năm 2018-đầu 2019.

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BSC dự báo tăng trưởng doanh thu năm 2021 của NKG đạt 27.7% YoY với doanh thu ghi nhận 14,762 tỷ với động lực đến từ tăng trưởng 15% về sản lượng (810 nghìn tấn) và tăng giá bán theo giá HRC. Mức lợi nhuận gộp bình quân giả định ở mức 1.6 triệu/tấn, tăng nhẹ so với mức lợi nhuận đơn vị trong Q4/2020 dựa trên đánh giá của BSC là mức lợi nhuận/tấn sản phẩm sẽ tăng cao trong Q1/2021 sau đó giảm nhẹ dần qua các quý. Lợi nhuận gộp 2021F= 1,295 tỷ đồng, tương ứng với biên LNG 8.8%. LNST dự báo đạt 600.5 tỷ đồng (+103% YoY), EPS = 3,397 đồng/CP (giả định trích quỹ khen thưởng phúc lợi 3%)

ĐỊNH GIÁ

BSC khuyến nghị **MUA** cổ phiếu NKG với **giá mục tiêu 1 năm là 27,200 đồng/CP** dựa vào phương pháp so sánh P/E với P/E mục tiêu là 8 lần. Trong đó mức P/E mục tiêu được điều chỉnh theo hệ số justified P/E như sau:

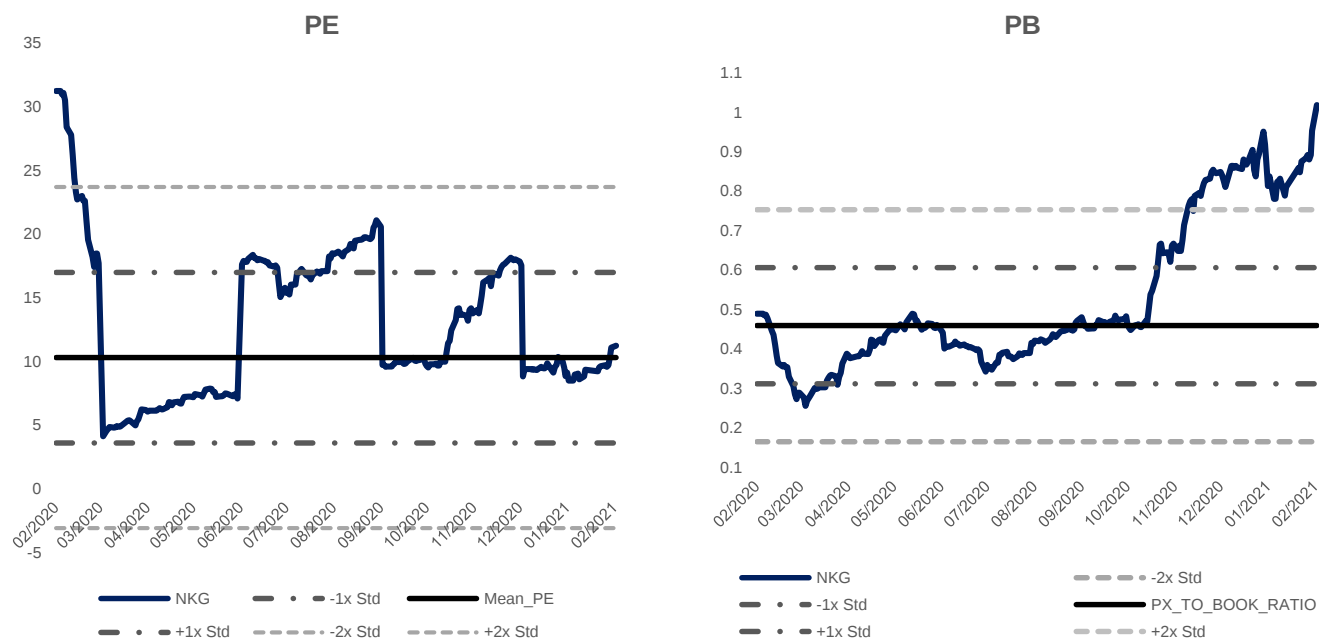
Tốc độ tăng trưởng dài hạn	3%
Hiệu suất sinh lời của vốn chủ sở hữu bình quân 1 chu kỳ 9 năm (2012-2020)	13%
Lợi tức kỳ vọng của vốn chủ sở hữu (Ke)	12.9%
Hệ số beta	1.27
Lãi suất phi rủi ro (Rf)	2.5%
Phần bù rủi ro thị trường	8.2%

$$\text{Justified P/E} = \frac{(ROE - g) / ROE}{k - g} = 7.8 \text{ (lần)}$$

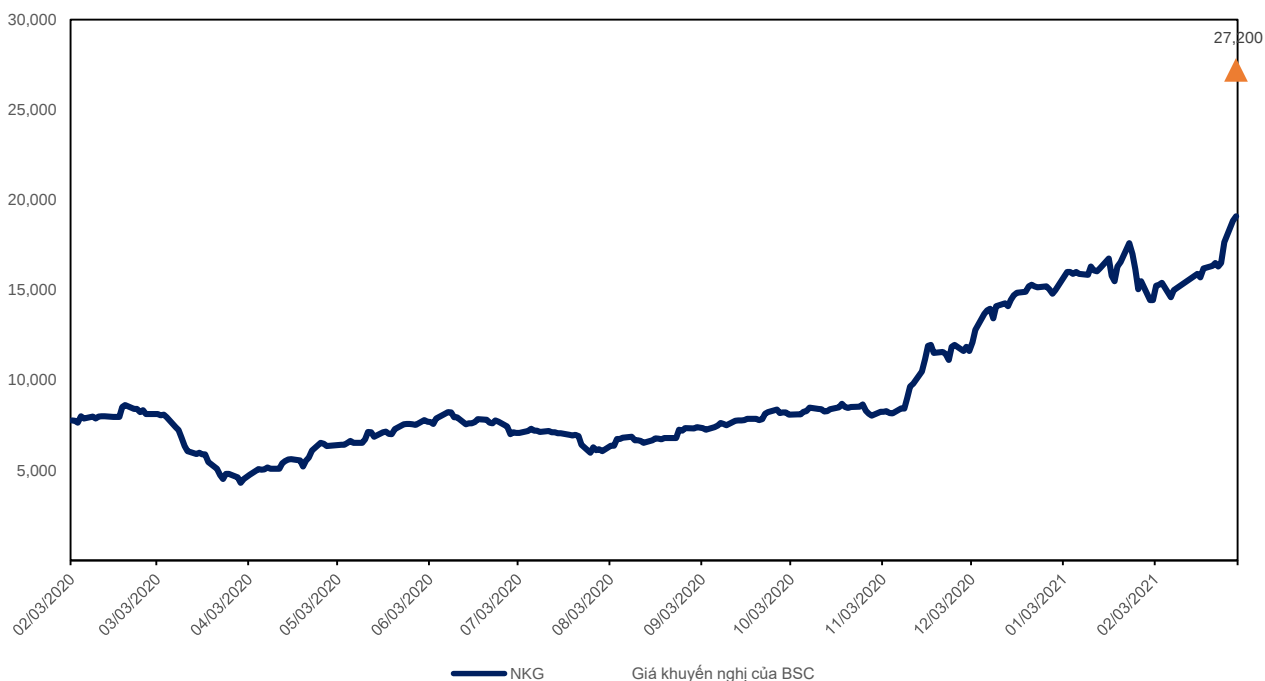
Bảng: Phân tích độ nhạy của giá mục tiêu với hệ số P/E và dự phóng EPS

		Giá trị một cổ phần (đồng/CP)				
		EPS 2021 (nghìn đồng/CP)				
		3.066	3.227	3.397	3.567	3.745
P/E	27,173					
	6.0	18,393	19,361	20,380	21,399	22,469
	7.0	21,459	22,588	23,777	24,966	26,214
	8.0	24,524	25,815	27,173	28,532	29,959
	9.0	27,590	29,042	30,570	32,099	33,704
	10.0	30,655	32,268	33,967	35,665	37,448
	11.0	33,721	35,495	37,363	39,232	41,193

Nguồn: BSC Research



Biến động giá cổ phiếu NKG so với khuyến nghị của BSC



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

PHỤ LỤC

KQKD(Tỷ đồng)	2018	2019	2020	2021F
Doanh thu thuần	14,812	12,177	11,560	14,762
Giá vốn hàng bán	14,019	11,835	10,690	13,467
Lợi nhuận gộp	793	342	869	1,295
Chi phí bán hàng	325	210	268	342
Chi phí QLDN	78	69	92	117
Lãi/lỗ HĐKD	390	63	509	835
Doanh thu tài chính	98	107	89	23
Chi phí tài chính	430	275	281	191
Chi phí lãi vay	339	237	222	191
Lợi nhuận từ CTLD/LK	-	-	-	-
Lãi/lỗ khác	5	195	4	-
Lợi nhuận trước thuế	62	90	321	667
Thuế thu nhập DN	5	43	25	67
LN sau thuế	57	47	295	601
CĐTS	0	0	0	0
LNST - CĐTS	57	47	295	601
EBITDA	811	505	886	1,306
EPS	363	260	1,690	3,397

CĐKT (Tỷ đồng)	2018	2019	2020	2021F
Tiền và ĐTTT ngắn hạn	659	778	589	962
Phải thu ngắn hạn	745	877	1,439	1,779
Tồn kho	2,421	2,589	2,150	3,820
TS ngắn hạn khác	278	191	95	121
TS ngắn hạn	4,102	4,435	4,273	4,047
TSCĐ hữu hình	3,272	3,049	2,727	2,389
TSCĐ vô hình	260	247	249	234
TSCĐ thuê tài chính	-	162	151	139
TS dở dang dài hạn	444	49	59	-
Đầu tư dài hạn	9	48	23	23
TS dài hạn khác	32	70	59	158
Tài sản dài hạn	4,020	3,629	3,271	2,887
TỔNG TÀI SẢN	8,122	8,064	7,544	9,631
Phải trả ngắn hạn	548	1,819	850	1,107
Vay ngắn hạn	3,201	2,389	2,520	4,065
Nợ ngắn hạn khác	175	135	509	646
Nợ ngắn hạn	3,924	4,342	3,878	5,818
Vay dài hạn	1,225	703	482	93
Nợ dài hạn khác	1	2	2	2
Nợ dài hạn	1,226	705	484	95
Nợ phải trả	5,151	5,048	4,362	5,913
Vốn góp	1,820	1,820	1,820	1,820
Thặng dư vốn cổ phần	766	766	766	766
LN chưa phân phối	313	356	576	1,099
Vốn chủ khác	72	74	18	33
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	2,971	3,017	3,181	3,718
TỔNG NGUỒN VỐN	8,122	8,064	7,544	9,631

LCTT (Tỷ đồng)	2018	2019	2020	2021F
Lợi nhuận sau thuế	57	47	295	601
Khấu hao và phân bổ	421	442	376	471
Thay đổi vốn lưu động	1,857	692	-620	-1,651
LCTT từ HĐ KD	2,336	1,181	52	-580
Tiền chi mua TSCĐ	-428	-96	-56	-148
Đầu tư khác	234	-134	391	0
LCTT từ HĐ Đầu tư	-195	-230	334	-148
Tiền chi trả cổ tức	-1	0	0	-55
Tiền từ vay ròng	-1,748	-1,315	-171	0
Tiền thu khác	-24	-22	-73	1,156
LCTT từ HĐ Tài chính	-1,773	-1,336	-244	1,101
Dư tiền đầu kỳ	93	461	76	219
LC tiền trong kỳ	369	-385	142	374
Dư tiền cuối kỳ	461.00	76.04	219.16	592.74
Lợi nhuận sau thuế	57	47	295	601

Chỉ số(%)	2018	2019	2020	2021F
Khả năng thanh toán				
Hố TT ngắn hạn	1.0	1.0	1.1	0.7
Hố TT nhanh	0.4	0.4	0.5	0.0
Cơ cấu vốn				
TSNH/ Tổng TS	18.4%	14.1%	22.0%	27.4%
Nợ phải trả/ Tổng TS	26.3%	24.8%	29.0%	29.8%
Nợ NH/ Tổng TS	48.3%	53.8%	51.4%	60.4%
Nợ vay/ Tổng TS	54.5%	38.3%	39.8%	43.2%
Năng lực hoạt động				
Số ngày HTK	60	74	61	61
Số ngày phải thu	42	29	41	29
Số ngày phải trả	228	155	150	150
CCC	(126)	(52)	(48)	(60)
Tỷ suất lợi nhuận				
Biên LNG	5.4%	2.8%	7.5%	8.8%
Biên EBIT	2.6%	0.5%	4.4%	5.7%
Biên LNST	0.4%	0.4%	2.6%	4.1%
ROE	1.9%	1.6%	9.5%	17.4%
ROA	0.6%	0.6%	3.8%	7.0%
Tăng trưởng				
Tăng trưởng DTT	65.3%	1.5%	0.7%	29.8%
Tăng trưởng EBIT	29.5%	24.0%	-12.4%	51.0%
Tăng trưởng LNST	61.6%	18.6%	-16.1%	55.6%
Tăng trưởng TTS	1.4%	-7.4%	15.5%	6.3%
Tăng trưởng VCSH	9.3%	-5.5%	9.1%	4.9%

Nguồn: BSC Research.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10&11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

